

THÔNG BÁO
Về việc lựa chọn tổ chức bán đấu giá tài sản

Thực hiện Luật Đấu giá tài sản số 01/2016/QH14 ngày 17/11/2016 của Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam và các văn bản pháp luật liên quan. Thư viện Quốc gia Việt Nam thông báo về việc lựa chọn tổ chức đấu giá để bán đấu giá tài sản như sau:

1. Tên, địa chỉ của Đơn vị có tài sản đấu giá:

- Thư viện Quốc gia Việt Nam
- Địa chỉ: Số 31 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

2. Tài sản bán đấu giá, giá khởi điểm (dự kiến):

STT	Tên tài sản	Giá khởi điểm (VNĐ)
1	Quyền thuê mặt bằng tầng hầm nhà D và một phần sân vườn liền kề	5.027.400.000
2	Quyền thuê mặt bằng một số phòng làm việc tầng 1 nhà D	3.580.200.000
3	Quyền thuê mặt bằng tầng hầm nhà K1 và một phần sân vườn liền kề	2.252.160.000

Thời gian thuê: 36 tháng.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức đấu giá: Theo Phụ lục 01 kèm theo thông báo này. Một số tiêu chí sau đây, cách thức đánh giá, chấm điểm được tính điểm từ cao xuống thấp (theo số điểm của Tiêu chí đó quy định tại Phụ lục 01), cụ thể như sau:

a. Đối với tiêu chí cơ sở vật chất đảm bảo cho việc đấu giá nêu tại Khoản 1 Mục I Phụ lục 1 kèm theo: Tổ chức đấu giá chứng minh tính ổn định, vị trí công khai, thuận lợi (có hình ảnh và tài liệu kèm theo) bao gồm: Trụ sở, địa điểm bán và tiếp nhận hồ sơ.

b. Đối với tiêu chí Phương án đấu giá khả thi hiệu quả nêu tại Mục II Phụ lục 1 kèm theo tổ chức đấu giá phải nêu đầy đủ:

- Nội dung phương án đấu giá khả thi, hiệu quả. Số điểm được tính tối đa 50% tổng số điểm của tiêu chí này.

- Trong năm trước liền kề thực hiện thành công phương án đã trình bày (có tài liệu chứng minh), đề xuất phương án đấu giá. Số điểm được tính tối đa 50% tổng số điểm của tiêu chí này.

c. Đối với tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định nêu tại Mục V Phụ lục 1 kèm theo. Bao gồm:

- Mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho Đấu giá viên hoạt động tại tổ chức mình.

- Công bố nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản (theo quy định của Luật Đấu giá tài sản)

- Thông báo về việc thay đổi hoạt động (nếu có) cho cơ quan quản lý có liên quan biết trong thời hạn quy định.

- Đã thực hiện tổ chức đấu giá tài sản cho Thư viện Quốc gia Việt Nam.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn tổ chức đấu giá:

- Thời gian nhận hồ sơ: Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đăng thông báo (*Trong giờ hành chính*).

- Hồ sơ nộp trực tiếp hoặc gửi theo đường bưu điện (*Hồ sơ gửi theo đường bưu điện được tính theo dấu bưu điện trước giờ của ngày kết thúc thông báo*).

- Hồ sơ nộp muộn so với thời gian quy định không được xem xét, chấm điểm.

- Hồ sơ tham dự lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản phải trình bày rõ ràng, sắp xếp theo thứ tự các tiêu chí tại thông báo này. Tổ chức đấu giá phải tự chịu trách nhiệm về tính trung thực trong hồ sơ.

- Địa điểm nộp hồ sơ: Thư viện Quốc gia Việt Nam. Địa chỉ: Số 31 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

- Khi nộp hồ sơ đăng ký tham gia trực tiếp, người đến nộp hồ sơ cần xuất trình giấy giới thiệu và chứng minh nhân dân/căn cước công dân.

- Tổ chức đấu giá được lựa chọn là tổ chức có tổng số điểm cao nhất của tất cả các tiêu chí cộng lại. Trường hợp có từ hai tổ chức đấu giá tài sản trở lên có tổng số điểm cao nhất bằng nhau thì Đơn vị có tài sản đấu giá xem xét, quyết định lựa chọn một trong các tổ chức đó.

- Thư viện Quốc gia Việt Nam sẽ liên hệ tới tổ chức đấu giá được lựa chọn, những đơn vị không nhận được thông báo được hiểu là không được lựa chọn.

- Hồ sơ lựa chọn cung cấp dịch vụ đấu giá tài sản không được hoàn trả lại.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Để đăng thông báo trên:

+ <https://dgts.moj.gov.vn>;

+ <https://nlv.gov.vn>

- Lưu: VT, HCTC, NTP 04.

Q. GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

Nguyễn Xuân Dũng

Phụ lục 1 – Bảng tiêu chí đánh giá, chấm điểm tổ chức đấu giá tài sản
(Kèm theo Thông báo số 97 /TB-TVQG ngày 9 tháng 4 năm 2023
của Thư viện Quốc gia Việt Nam)

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
I	Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá	23,0
1	Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá	11,0
1.1	Có trụ sở ổn định, địa chỉ rõ ràng kèm theo thông tin liên hệ (số điện thoại, fax, địa chỉ thư điện tử...)	6,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá được bố trí ở vị trí công khai, thuận tiện	5,0
2	Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá	8,0
2.1	Có máy in, máy vi tính, máy chiếu, thùng đựng phiếu trả giá bảo đảm an toàn, bảo mật và các phương tiện khác bảo đảm cho việc đấu giá	4,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá; nơi tổ chức cuộc đấu giá	4,0
3	Có trang thông tin điện tử đang hoạt động	2,0
4	Đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt đủ điều kiện thực hiện hình thức đấu giá trực tuyến	1,0
5	Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá	1,0
II	Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)	22,0
1	Phương án đấu giá đề xuất việc tổ chức đấu giá đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tính công khai, minh bạch, khách quan	4,0
2	Phương án đấu giá đề xuất thời gian, địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá, địa điểm tổ chức cuộc đấu giá, buổi công bố giá thuận lợi cho người tham gia đấu giá; hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao	4,0
3	Phương án đấu giá đề xuất cách thức bảo mật thông tin, chống thông đồng, đùm giá	4,0
4	Phương án đấu giá đề xuất thêm các địa điểm, hình thức niêm yết, thông báo công khai khác nhằm tăng mức độ phổ biến thông tin đấu giá	4,0
5	Phương án đấu giá đề xuất giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh trật tự cho việc tổ chức thực hiện đấu giá	3,0
6	Phương án đấu giá đề xuất các giải pháp giải quyết các tình huống phát sinh trong quá trình tổ chức thực hiện việc đấu giá	3,0
III	Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức đấu giá tài sản	45,0
1	Trong năm trước liền kề đã thực hiện hợp đồng dịch vụ đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	6,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
	Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 hoặc 1.5	
1.1	Dưới 03 hợp đồng (bao gồm trường hợp không thực hiện hợp đồng nào)	2,0
1.2	Từ 03 hợp đồng đến dưới 10 hợp đồng	3,0
1.3	Từ 10 hợp đồng đến dưới 20 hợp đồng	4,0
1.4	Từ 20 hợp đồng đến dưới 30 hợp đồng	5,0
1.5	Từ 30 hợp đồng trở lên	6,0
2	Trong năm trước liền kề đã tổ chức đấu giá thành các cuộc đấu giá cùng loại tài sản với tài sản dự kiến đưa ra đấu giá có mức chênh lệch trung bình giữa giá trúng đấu giá so với giá khởi điểm (Tổ chức đấu giá tài sản liệt kê tất cả các cuộc đấu giá tài sản đã thực hiện. Người có tài sản không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 2.1, 2.2, 2.3, 2.4 hoặc 2.5	18,0
2.1	Dưới 20% (bao gồm trường hợp không có chênh lệch)	10,0
2.2	Từ 20% đến dưới 40%	12,0
2.3	Từ 40% đến dưới 70%	14,0
2.4	Từ 70% đến dưới 100%	16,0
2.5	Từ 100% trở lên	18,0
3	Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 3.1, 3.2 hoặc 3.3	5,0
3.1	Dưới 03 năm	3,0
3.2	Từ 03 năm đến dưới 05 năm	4,0
3.3	Từ 05 năm trở lên	5,0
4	Số lượng đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 4.1, 4.2 hoặc 4.3	3,0
4.1	01 đấu giá viên	1,0
4.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	2,0
4.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	3,0
5	Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên của tổ chức đấu giá tài sản (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số 05/2005/NĐ-CP ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số 17/2010/NĐ-CP ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 5.1, 5.2 hoặc 5.3	4,0

TT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA
5.1	<i>Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	2,0
5.2	<i>Từ 01 đến 02 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	3,0
5.3	<i>Từ 03 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 03 năm trở lên</i>	4,0
6	<i>Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc đóng góp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 6.1, 6.2, 6.3 hoặc 6.4</i>	5,0
6.1	<i>Dưới 50 triệu đồng</i>	2,0
6.2	<i>Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng</i>	3,0
6.3	<i>Từ 100 triệu đồng đến dưới 200 triệu đồng</i>	4,0
6.4	<i>Từ 200 triệu đồng trở lên</i>	5,0
7	<i>Đội ngũ nhân viên làm việc theo hợp đồng lao động Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 7.1 hoặc 7.2</i>	3,0
7.1	<i>Dưới 03 nhân viên (bao gồm trường hợp không có nhân viên nào)</i>	2,0
7.2	<i>Từ 03 nhân viên trở lên</i>	3,0
8	<i>Có người tập sự hành nghề trong tổ chức đấu giá tài sản trong năm trước liền kề hoặc năm nộp hồ sơ đăng ký tham gia lựa chọn</i>	1,0
IV	<i>Thù lao dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản phù hợp Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí 1, 2 hoặc 3</i>	5,0
1	<i>Bằng mức thù lao dịch vụ đấu giá theo quy định của Bộ Tài chính</i>	3,0
2	<i>Giảm dưới 20% mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	4,0
3	<i>Giảm từ 20% trở lên mức tối đa thù lao dịch vụ đấu giá (không áp dụng đối với mức thù lao phần trăm trên phần chênh lệch giá trị tài sản theo giá trúng đấu giá với giá khởi điểm theo quy định của Bộ Tài chính)</i>	5,0
V	<i>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định</i>	5,0
Tổng số điểm		100
VI	<i>Có tên trong danh sách các tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	
1	<i>Có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Đủ điều kiện
2	<i>Không có tên trong danh sách tổ chức đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</i>	Không đủ điều kiện